

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ kinh phí cho người lao động gặp khó khăn
do đại dịch COVID-19 (đợt 18)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4093/STC-NSHX ngày 22/10/2021 và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3584/SLĐTBXH-VP ngày 21/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Giải quyết kinh phí thực hiện một số chính sách hỗ trợ đối với 486 đối tượng gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ với tổng số tiền là 1.007.525.000 đồng (Một tỷ, không trăm linh bảy triệu, năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bao gồm:

- Kinh phí hỗ trợ đối với 82 người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương, số tiền: 265.745.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ đối với 376 người lao động ngừng việc, số tiền: 642.000.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ 06 người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, số tiền: 25.260.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ 12 hướng dẫn viên du lịch, số tiền: 44.520.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ đối với 10 hộ kinh doanh, số tiền: 30.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí để thực hiện:

- Giao UBND thành phố Vinh và các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Yên Thành sử dụng nguồn kinh phí dự phòng ngân sách cấp huyện, cấp xã, số tiền: 140.662.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu, sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng) để chi trả chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên.

- Tạm ứng ngân sách tỉnh, số tiền: 866.863.000 đồng (Tám trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) cấp cho các cơ quan, đơn vị để chi trả chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên.

(Có Phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Nghệ An làm thủ tục cấp phát, quản lý theo quy định. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh quyết định thu hồi số kinh phí đã tạm ứng từ ngân sách tỉnh theo đúng quy định. Cơ quan đơn vị được cấp kinh phí chịu trách nhiệm tổ chức chi trả cho các đối tượng kịp thời và quyết toán theo chế độ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Du lịch, Kho bạc Nhà nước Nghệ An; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- PCT VX UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- PCVP VX UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (TP, D).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long

PHỤ BIỂU

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ (Đợt 18)

(Kèm theo Quyết định số 3919/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh Nghệ An)

VVT kinh phí: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng số đối tượng	Tổng kinh phí hỗ trợ	Trong đó, đối tượng hỗ trợ:																				Số dụng cụ phòng ngừa sách cấp huyện, cấp xã để thực hiện chi trả	Ngân sách tỉnh cấp ứng						
				Người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương										Người lao động ngưng việc						Người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp						Hưởng dẫn viên du lịch		Hệ kinh doanh			
				Số đối tượng	Tổng kinh phí	Bao gồm:				Số đối tượng	Tổng kinh phí	Bao gồm:				Số đối tượng	Tổng kinh phí	Bao gồm:		Số đối tượng	Kinh phí	Số đối tượng	Kinh phí								
						Kinh phí hỗ trợ cho người lao động		Hỗ trợ thêm Phụ nữ mang thai				Hỗ trợ thêm người nuôi con, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi		Số lao động hỗ trợ				Hỗ trợ thêm Phụ nữ mang thai								Hỗ trợ thêm người nuôi con, chăm sóc trẻ em dưới 6 tuổi		Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí
Mức 1	Mức 2	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí	Số lượng	Kinh phí										
Mức hỗ trợ (triệu đồng)						1,855	3,71		1,00		1,00				1,00		1,00														
A	B	1	2	3	4	4.1	4.2		4.3		4.4	5	6		6.1		6.2		6.3	7	8	7.1	8.1	7.3	8.3	13	14	9	10	13	14=2-13
1	Thành phố Vinh	149	361,905	76	245,905	76,055	129,850	4	4	36	36	73	116	72	72	5	5	39	39	0	0,000		0,000		0	0,000		0	0	54,286	307,619
2	Huyện Hưng Nguyên	303	526,000	0	0,000	0,000	0,000	0	0	0	0	303	526	303	303	11	11	212	212	0	0,000		0,000		0	0,000		0	0	78,900	447,100
3	Huyện Nam Đàn	10	30,000	0	0,000	0,000	0,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,000		0,000		0	0,000	10	30	4,500	25,500	
4	Huyện Yên Thành	6	19,840	6	19,840	7,420	7,420	1	1	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,000		0,000		0	0,000		0	0	2,976	16,864
5	Sở Du lịch	12	44,520	0	0,000	0,000	0,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,000		0,000		0	12,00	44,520	0	0	0	44,520
6	Sở Lao động TBXH (cấp qua Trung tâm dịch vụ việc làm)	6	25,260	0	0,000	0,000	0,000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	25,260	6	22,260	3	3	0,000		0	0	0	25,260
TỔNG CỘNG		486	1,007,525	82	265,745	83,475	137,270	5	5	40	40	376	642	375	375	16	16	251	251	6	25,260	6	22,260	3	3	12	44,520	10	30	140,662	866,863

